

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/5/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Như Phương;

+ Ông Nguyễn Minh Hiếu Trung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trực – Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện M tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 330/2016/TLST–HNGĐ ngày 12/12/2016 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2018, giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: bà Lê Thị H, sinh năm: 1968. HKTT: ấp N, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1969. HKTT: ấp N, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: vào năm 1992, bà và ông L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông L thường xuyên đuổi bà ra khỏi nhà. Từ năm 2010, bà ra ngoài sống cho đến nay. Nay bà không còn tình cảm với ông nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung cháu Nguyễn Thị L - Sinh ngày: 03/11/1993 và cháu Nguyễn Văn T – Sinh ngày: 30/5/2000. Sau khi ly hôn, bà xin được nuôi cháu T và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2017, bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày: Về con chung, tài sản chung ông thống nhất với lời trình bày của bà H. Tuy

nhien, theo ông vợ chồng có mâu thuẫn là do bà H tự ý bỏ nhà đi lấy hết tài sản chung của gia đình. Và bà cũng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng lại không đồng ý ly hôn vì ông theo đạo thiên chúa.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa: Việc thu lý, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của HĐXX, thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo xác minh của Tòa án thì bà H và ông L không có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, vì vậy, đề nghị HĐXX tuyên bố bà H, ông L không phải vợ chồng. Về con chung: Giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân và theo bà H thì vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Nhưng vì cuộc sống có nhiều mâu thuẫn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông L. Bà và ông L có 2 người con chung, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Và theo Sổ đăng ký hộ khẩu thì ông L có HKTT tại ấp N, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án này về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông L đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông L là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo bà H vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, do bà H không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại xã H thì UBND xã trả lời: theo trong sổ lưu trữ về việc đăng ký kết hôn thì không có tên bà H ông L. Vì vậy, với những chứng cứ trên cho thấy, đến thời điểm hiện nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn và theo quy định việc ông bà chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay, có đủ điều kiện để kết hôn và buộc phải đăng ký kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Vậy nên, cần tuyên bố ông bà không phải vợ chồng.

- Về con chung: ông bà có 2 người con nhưng hiện chỉ có cháu Nguyễn Văn T – Sinh ngày: 30/5/2000, là chưa đủ tuổi trưởng thành và bà H có yêu cầu được nuôi cháu sau khi vợ chồng ly hôn. Xét yêu cầu trên cho thấy, hiện cháu T đang ở với mẹ và cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vậy nên xét cần giao cháu cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: bà H không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hiện không ai có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: bà Lê Thị H nộp 200.000 đồng án phí DSST về ly hôn.

* Lời phát biểu của VKSND huyện M phù hợp với quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266 của Bộ luật TTDS;

Các Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn L không phải là vợ chồng.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn T – Sinh ngày: 30/5/2000 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông L.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2/ Về án phí: bà Lê Thị H nộp 200.000 đồng án phí DSST về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số 003800 ngày 09/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- THA DS huyện M;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tường Vy